



**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM  
MEKOPHAR**

MEKOPHAR Luôn Luôn Vì Sức Khoẻ Của Bạn.  
Working To Serve Your Health

# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-27

---

---



**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

---

*Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.*

### **1. Thông tin chung về công ty:**

#### **Thành lập:**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2002, Số ĐKKD: 4103000833 (Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 10 năm 2005, lần thứ 2 ngày 14 tháng 04 năm 2006, lần thứ 3 ngày 19 tháng 12 năm 2006, lần thứ 4 ngày 11 tháng 7 năm 2008, lần thứ 5 ngày 15 tháng 9 năm 2008, lần thứ 6 ngày 17 tháng 10 năm 2009, lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2010, lần thứ 8 ngày 02 tháng 12 năm 2010 và lần thứ 9 ngày 23 tháng 11 năm 2011). Theo giấy phép đăng ký thay đổi lần thứ 9, vốn điều lệ tăng lên thành 101.159.320.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh:

Chi nhánh tại Hà Nội: 95 Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Đà Nẵng: 70 Phạm Văn Nghị, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Chi nhánh tại Cần Thơ: 17A Cách Mạng Tháng Tám, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Ngày 02 tháng 06 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hóa-Dược Phẩm Mekophar được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán niêm yết: MKP

#### **Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.**

**Hoạt động chính của Công ty:** Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu cho ngành dược, dụng cụ y tế. Sản xuất, mua bán hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống). Dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng. Cho thuê căn hộ. Sản xuất mỹ phẩm (không sản xuất hóa chất cơ bản, xà phòng, chất tẩy rửa tại trụ sở) và bán buôn mỹ phẩm. Quyền xuất nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ máy móc, thiết bị y tế. Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoán, Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản). Dịch vụ liên quan đến tư vấn khoa học kỹ thuật (chỉ đối với CPC 86751, 86752, và 86753). Quyền xuất nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ mỹ phẩm, thực phẩm chức năng (thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BKH)./.

### **2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.



**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

---

### **3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

#### **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Bà Huỳnh Thị Lan	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Bà Đặng Thị Kim Lan	Ủy viên
Ông Lê Anh Phương	Ủy viên
Bà Võ Thị Thanh Vân	Ủy viên
Bà Nguyễn Thùy Vân	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Ủy viên
Bà Phan Thị Lan Hương	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Bà Huỳnh Thị Lan	Tổng Giám Đốc
Bà Đặng Thị Kim Lan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Lan Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng

### **4. Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.



**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

---

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### **6. Xác nhận**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

*TP. HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012*



**Huỳnh Thị Lan**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 05.11.304/AISC-DN4

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011  
 CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR.**

**Kính gửi:**

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.  
 Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar.**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**TP. HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012**

KIỂM TOÁN VIÊN

**Nguyễn Thị Thanh Huyền**

Số chứng chỉ KTV: 1176/KTV  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đặng Ngọc Tú**

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>428,033,687,788</b>	<b>373,436,841,623</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>14,201,761,724</b>	<b>27,109,654,939</b>
1. Tiền	111		14,201,761,724	27,109,654,939
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>9,155,601,100</b>	<b>9,155,601,100</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9,155,601,100	9,155,601,100
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>135,215,160,681</b>	<b>115,935,336,437</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		129,921,398,509	109,432,476,268
2. Trả trước cho người bán	132		3,843,012,122	5,977,520,580
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1,450,750,050	525,339,589
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>257,063,578,523</b>	<b>208,145,413,956</b>
1. Hàng tồn kho	141		257,063,578,523	208,145,413,956
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12,397,585,760</b>	<b>13,090,835,191</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	224,515,673
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.05	11,133,713,805	11,260,242,024
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nh à nước	154	V.05	728,811,371	1,053,882,827
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	535,060,584	552,194,667

**TÀI SẢN****Mã số****TM****31/12/2011****01/01/2011**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>133,241,378,218</b>	<b>132,482,657,744</b>
(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đ ơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>108,741,378,218</b>	<b>105,672,657,744</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	77,414,102,109	74,244,097,639
- Nguyên giá	222		183,883,368,657	168,630,445,230
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106,469,266,548)	(94,386,347,591)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	30,175,876,109	30,590,060,105
- Nguyên giá	228		33,536,742,684	32,885,231,684
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,360,866,575)	(2,295,171,579)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1,151,400,000	838,500,000
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>24,182,000,000</b>	<b>26,810,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19,510,000,000	19,510,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,100,000,000	10,100,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5,428,000,000)	(2,800,000,000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>318,000,000</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		318,000,000	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>561,275,066,006</b>	<b>505,919,499,367</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>151,831,628,953</b>	<b>132,883,871,127</b>





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>132,861,735,681</b>	<b>115,331,619,217</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả cho người bán	312	51,049,197,599	31,745,789,192	
3. Người mua trả tiền trước	313	3,197,388,725	1,143,438,308	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	12,752,183,489	8,970,981,848
5. Phải trả người lao động	315	10,596,193,016	9,754,551,064	
6. Chi phí phải trả	316	-	-	
7. Phải trả nội bộ	317	-	-	
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318	-	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	22,880,643,846	29,191,719,423
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	32,386,129,006	34,525,139,382	
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327	-	-	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>18,969,893,272</b>	<b>17,552,251,910</b>	
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-	
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-	
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	273,782,149	224,300,522	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	16,000,000,000	16,000,000,000	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	2,696,111,123	1,327,951,388	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-	

NGUỒN VỐN		Mã số	TM	31/12/2011	01/01/2011
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>			<b>409,443,437,053</b>	<b>373,035,628,240</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>		<b>408,225,817,653</b>	<b>371,818,008,840</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			101,159,320,000	92,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			108,706,704,458	108,706,704,458

**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4. Cổ phiếu quỹ	414	(8,160,533,158)	(8,160,533,158)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(159,408,412)	(120,868,425)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	196,630,318,232	169,243,289,432
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	10,049,416,533	10,049,416,533
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>1,217,619,400</b>	<b>1,217,619,400</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.23 1,217,619,400	1,217,619,400
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSC Đ	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>561,275,066,006</b>	<b>505,919,499,367</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	TM	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cước		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
USD		19,363.73	68,694.36
EUR		460.51	471.43
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



CN. Lê Thị Thúy Hằng



Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



DS. Huỳnh Thị Lan



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 25	1,045,360,813,765	895,359,194,415
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 26	606,116,965	618,294,070
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 27	1,044,754,696,800	894,740,900,345
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 28	848,524,854,090	709,645,317,890
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> <b>(20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>196,229,842,710</b>	<b>185,095,582,455</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	7,537,660,346	8,567,854,001
7. Chi phí tài chính	22	VI. 30	6,164,333,903	7,558,774,748
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		403,183,752	-
8. Chi phí bán hàng	24		44,794,724,699	36,489,313,760
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		55,058,394,293	59,790,051,580
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>97,750,050,161</b>	<b>89,825,296,368</b>
11. Thu nhập khác	31	V.31	3,389,282,931	2,808,881,750
12. Chi phí khác	32	V.32	215,364,405	76,616,062
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3,173,918,526</b>	<b>2,732,265,688</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>100,923,968,687</b>	<b>92,557,562,056</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.33	23,952,842,062	21,543,545,952
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>76,971,126,625</b>	<b>71,014,016,104</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.36</b>	<b>8,090</b>	<b>7,837</b>

Kế toán trưởng

CN. Lê Thị Thúy Hằng



Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc

DS. Huỳnh Thị Lan

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>100,923,968,687</b>	<b>92,557,562,056</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản :</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		15,959,040,909	14,335,152,303
- Các khoản dự phòng	03		2,628,000,000	5,000,000,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6,142,759,457)	(8,664,978,133)
- Chi phí lãi vay	06		403,183,752	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay</b>				
<b>3. đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>113,771,433,891</b>	<b>103,227,736,226</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(18,419,820,886)	(28,768,807,244)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(48,918,164,567)	(55,288,868,738)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể				
lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		23,889,946,141	5,076,230,452
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(93,484,327)	(204,540,673)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(403,183,752)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(20,658,493,501)	(19,919,352,729)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		47,563,701,704	61,227,560,433
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(65,993,346,992)	(67,283,307,869)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>30,738,587,711</b>	<b>(1,933,350,142)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSCĐ khác	21		(19,027,761,383)	(17,164,966,827)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		487,155,291	97,272,727
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
				35,718,699,375
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25			(10,120,000,000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		5,655,604,166	8,567,705,406
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12,885,001,926)</b>	<b>17,098,710,681</b>

**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

Mẫu B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2011	Năm 2010
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		13,551,127,410	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13,551,127,410)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30,761,479,000)	(18,121,698,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(30,761,479,000)</b>	<b>(18,121,698,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(12,907,893,215)</b>	<b>(2,956,337,461)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>27,109,654,939</b>	<b>30,065,992,400</b>
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>14,201,761,724</b>	<b>27,109,654,939</b>

Kế toán trưởng

CN. Lê Thị Thúy Hằng



Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc

DS. Huỳnh Thị Lan



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Thành lập:

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2002, Số ĐKKD: 4103000833 (Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 10 năm 2005, lần thứ 2 ngày 14 tháng 04 năm 2006, lần thứ 3 ngày 19 tháng 12 năm 2006, lần thứ 4 ngày 11 tháng 7 năm 2008, lần thứ 5 ngày 15 tháng 9 năm 2008, lần thứ 6 ngày 17 tháng 10 năm 2009, lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2010, lần thứ 8 ngày 02 tháng 12 năm 2010 và lần thứ 9 ngày 23 tháng 11 năm 2011). Theo giấy phép đăng ký thay đổi lần thứ 9, vốn điều lệ tăng lên thành 101.159.320.000 đồng.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

#### 4. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu cho ngành dược, dụng cụ y tế. Sản xuất, mua bán hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống). Dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng. Cho thuê căn hộ. Sản xuất mỹ phẩm (không sản xuất hóa chất cơ bản, xà phòng, chất tẩy rửa tại trụ sở) và bán buôn mỹ phẩm. Quyền xuất nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ máy móc, thiết bị y tế. Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoán, Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản). Dịch vụ liên quan đến tư vấn khoa học kỹ thuật ( chỉ đối với CPC 86751, 86752, và 86753). Quyền xuất nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ mỹ phẩm, thực phẩm chức năng (thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BKH)/.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Tổng số nhân viên đến cuối năm: 828 người

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

#### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ bao gồm mua sắm và đầu tư XD CB hoàn thành*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

#### 4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Tài sản cố định vô hình tăng trong kỳ là do mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 4.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	25 năm
Bản quyền sử dụng tế bào gốc	3 năm

### 5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá g ớc.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá g ớc.

### Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu t ư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời v à ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

**Chi phí trả trước ngắn hạn tại công ty:** là chi phí lưu trữ của ngân hàng tế bào gốc. Chi phí này được phân bổ theo số lượng mẫu tế bào lưu trữ trong kỳ.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản Ban Tổng Giám đốc dự phòng để chi cho các công trình nghiên cứu khoa học. Giá trị dự phòng tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh từng năm của Công ty.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

#### Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá v à phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### + Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Chênh lệch tỷ giá được phản ánh là số chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

### + Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái...)

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty toàn bộ là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ. Khoản chi phí này được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm đầu kể từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và bằng 25% trong các năm tiếp theo.

### 16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày cuối niên độ được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo Thông tư này: các khoản chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục Vốn chủ sở hữu và sẽ được hoàn nhập trong kỳ tiếp theo; các khoản chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào chi phí và thu nhập để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên việc áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 sẽ dẫn đến sự khác biệt nếu áp dụng theo hướng dẫn tại VAS 10.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày ở phần thuyết minh số VIII.4



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2011	01/01/2011		
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>14,201,761,724</b>	<b>18,109,654,939</b>		
<b>Tiền</b>	<b>14,201,761,724</b>	<b>18,109,654,939</b>		
Tiền mặt	1,819,716,487	5,568,868,597		
Tiền gửi ngân hàng	12,382,045,237	12,540,786,342		
VND	12,353,244,927	11,188,104,268		
Ngoại tệ	28,800,310	1,352,682,074		
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	-	9,000,000,000		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		9,000,000,000		
<b>Cộng</b>	<b>14,201,761,724</b>	<b>27,109,654,939</b>		
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>		
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Tiền gửi có kỳ hạn		-		-
Chứng khoán đầu tư		9,155,601,100		9,155,601,100
Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHAR	144,000	3,800,000,000	120,000	3,800,000,000
Công ty CP Bao bì Dược	329,500	5,152,500,000	329,500	5,152,500,000
Công ty CP Dược Phẩm OPC - Mã CK: OPC	10,230	203,101,100	6,820	203,101,100
<b>Cộng</b>	<b>483,730</b>	<b>9,155,601,100</b>	<b>456,320</b>	<b>9,155,601,100</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>		
Phải thu khác				
BH Y tế, BH xã hội, kinh phí công đoàn	184,169,556	109,837,760		
Chi phí thẩm định khu đất Ngõ Thời Nhiệm	270,682,283	270,682,283		
Thu khác	995,898,211	144,819,546		
<b>Cộng</b>	<b>1,450,750,050</b>	<b>525,339,589</b>		
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>		
Hàng mua đang đi đường				
Nguyên liệu, vật liệu	150,431,810,969	132,231,868,784		
Công cụ, dụng cụ	967,793,248	819,021,954		



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 4. Hàng tồn kho (tiếp theo)

Chi phí SX, KD dở dang	33,555,795,726	29,368,717,963
Thành phẩm	71,863,399,040	45,702,288,136
Hàng hoá	244,779,540	23,517,119
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>257,063,578,523</b>	<b>208,145,413,956</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>257,063,578,523</b>	<b>208,145,413,956</b>

\* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có.

\* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có.

\* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích th êm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

### 5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>11,133,713,805</b>	<b>11,260,242,024</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	10,564,348,755	11,260,242,024
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	569,365,050	-
<b>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>728,811,371</b>	<b>1,053,882,827</b>
Các khoản thuế khác phải thu Nh à nước	728,811,371	1,053,882,827
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>535,060,584</b>	<b>552,194,667</b>
Tạm ứng	119,254,984	552,194,667
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	391,269,600	-
Chi sự nghiệp năm nay	24,536,000	-
<b>Cộng</b>	<b>12,397,585,760</b>	<b>12,866,319,518</b>

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Xem Bảng thuyết minh chi tiết đính kèm ở trang 26

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>31,273,231,684</b>	<b>1,612,000,000</b>	<b>32,885,231,684</b>
Mua trong năm		651,511,000	651,511,000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>31,273,231,684</b>	<b>2,263,511,000</b>	<b>33,536,742,684</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1,220,504,907</b>	<b>1,074,666,672</b>	<b>2,295,171,579</b>
Khấu hao trong năm	528,361,668	537,333,328	1,065,694,996
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1,748,866,575</b>	<b>1,612,000,000</b>	<b>3,360,866,575</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>30,052,726,777</b>	<b>537,333,328</b>	<b>30,590,060,105</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29,524,365,109</b>	<b>651,511,000</b>	<b>30,175,876,109</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2011	01/01/2011
Chi phí phần mềm kế toán đang dở dang	1,151,400,000	838,500,000
<b>Cộng</b>	<b>1,151,400,000</b>	<b>838,500,000</b>

### 13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào cty liên kết</b>	<b>1,596,000</b>	<b>19,510,000,000</b>	<b>1,596,000</b>	<b>19,510,000,000</b>
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An sinh - Tỷ lệ vốn góp 22%	1,496,000	18,510,000,000	1,496,000	18,510,000,000
Công ty CP Dược phẩm Mekong - Tỷ lệ vốn góp 22%	100,000	1,000,000,000	100,000	1,000,000,000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>1,000,000</b>	<b>10,100,000,000</b>	<b>1,000,000</b>	<b>10,100,000,000</b>
Quỹ Đầu tư Chứng khoán VN Tiger Fund - Tỷ lệ vốn góp	1,000,000	10,100,000,000	1,000,000	10,100,000,000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>(5,428,000,000)</b>		<b>(2,800,000,000)</b>
<b>Cộng</b>	<b>2,596,000</b>	<b>24,182,000,000</b>	<b>2,596,000</b>	<b>26,810,000,000</b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	569,365,050	325,071,456
Thuế xuất, nhập khẩu	92,240,018	14,955,416
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11,746,698,837	8,452,350,276
Thuế thu nhập cá nhân	343,879,584	178,604,700
<b>Cộng</b>	<b>12,752,183,489</b>	<b>8,970,981,848</b>

### 18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
BH Y tế, BH xã hội, kinh phí công đoàn	404,121,032	552,805,117
Kinh phí đề tài Mekostem	177,595,069	247,046,269
Cổ tức phải trả cho cổ đông	14,950,171,500	20,794,698,000
Hội đồng quản trị	267,000,000	520,000,000
Phải trả khác	7,081,756,245	7,077,170,037
<b>Cộng</b>	<b>22,880,643,846</b>	<b>29,191,719,423</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (đính kèm ở trang 27)

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2011	01/01/2011
Vốn góp của Nhà nước	29%	29,403,000,000	26,730,000,000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	71%	71,756,320,000	65,370,000,000
Thặng dư vốn cổ phần		108,706,704,458	108,706,704,458
Cổ phiếu quỹ		(8,160,533,158)	(8,160,533,158)
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>201,705,491,300</b>	<b>192,646,171,300</b>

#### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	92,100,000,000	92,100,000,000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	9,059,320,000	-
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	101,159,320,000	92,100,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	30,761,479,000	18,121,698,000

#### d. Cổ tức

	Năm 2011	Năm 2010
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ	25%	30%
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	25%	30%

#### d. Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,115,932	9,210,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,115,932	9,210,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10,115,932	9,210,000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	149,151	149,151
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	149,151	149,151
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,966,781	9,060,849
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9,966,781	9,060,849
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10,000	10,000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Quỹ đầu tư phát triển	196,630,318,232	169,243,289,432
Quỹ dự phòng tài chính	10,049,416,533	10,049,416,533
<b>Cộng</b>	<b>206,679,734,765</b>	<b>179,292,705,965</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

*Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.**Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.*

<b>23. Nguồn kinh phí</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	1,217,619,400	1,217,619,400
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	1,217,619,400	1,217,619,400

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

<b>25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Doanh thu bán thành phẩm	720,336,948,767	639,143,857,178
Doanh thu dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	9,372,737,115	5,798,348,886
Doanh thu bán hàng hóa	295,054,725,560	219,537,374,883
Doanh thu bán vật tư	18,245,493,231	28,599,613,468
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2,350,909,092	2,280,000,000
<b>Cộng</b>	<b>1,045,360,813,765</b>	<b>895,359,194,415</b>

<b>26. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	606,116,965	618,294,070
<b>Cộng</b>	<b>606,116,965</b>	<b>618,294,070</b>

<b>27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Doanh thu bán thành phẩm	719,730,831,802	638,539,577,610
Doanh thu dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	9,372,737,115	5,798,348,886
Doanh thu bán hàng hóa	295,054,725,560	219,523,360,381
Doanh thu bán vật tư	18,245,493,231	28,599,613,468
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2,350,909,092	2,280,000,000
<b>Cộng</b>	<b>1,044,754,696,800</b>	<b>894,740,900,345</b>





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2011	Năm 2010
<b>28. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn thành phẩm bán ra	534,874,084,535	466,600,915,900
Giá vốn dịch vụ ngân hàng tề bào gốc	3,633,983,455	1,043,174,660
Giá vốn hàng hóa bán ra	293,243,929,110	217,023,843,833
Giá vốn vật tư, dịch vụ đã cung cấp	16,772,856,990	24,977,383,497
<b>Cộng</b>	<b>848,524,854,090</b>	<b>709,645,317,890</b>
<b>29. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	701,059,666	1,704,681,806
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4,954,544,500	6,863,023,600
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,882,056,180	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	148,595
<b>Cộng</b>	<b>7,537,660,346</b>	<b>8,567,854,001</b>
<b>30. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	403,183,752	-
Phí rút tiết kiệm trước hạn	61,071,583	
Chi phí dự phòng đầu tư dài hạn	2,628,000,000	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,072,078,568	7,558,774,748
<b>Cộng</b>	<b>6,164,333,903</b>	<b>7,558,774,748</b>
<b>31. Thu nhập khác</b>		
Bán tài sản cố định	487,155,291	97,272,727
Thu nhập khác (Xử lý kiểm kê thừa)	2,902,127,640	2,711,609,023
<b>Cộng</b>	<b>3,389,282,931</b>	<b>2,808,881,750</b>
<b>32. Chi phí khác</b>		
Chi phí bán tài sản cố định		-
Chi phí khác (Xử lý kiểm kê thiếu)	215,364,405	76,616,062
<b>Cộng</b>	<b>215,364,405</b>	<b>76,616,062</b>
<b>33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>100,923,968,687</b>	<b>92,557,562,056</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>		
- Các khoản điều chỉnh tăng	18,056,256,548	14,590,167,704
- Các khoản điều chỉnh giảm	23,010,801,048	21,453,191,304
	(4,954,544,500)	(6,863,023,600)
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)</b>	<b>118,980,225,235</b>	<b>107,147,729,760</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>23,952,842,062</b>	<b>21,543,545,952</b>
+ Thuế TNDN phải nộp (thuế suất 20%)	23,168,856,988	20,973,545,952
+ Thuế TNDN phải nộp (thuế suất 25%)	783,985,074	570,000,000
<b>5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay</b>	-	-
<b>6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>23,952,842,062</b>	<b>21,543,545,952</b>
<b>35. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	529,738,235,430	416,027,630,653
Chi phí nhân công	68,400,531,175	61,282,564,312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15,959,040,909	14,335,152,303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12,562,829,385	10,177,494,767
Chi phí khác bằng tiền	18,397,237,650	14,658,765,325
<b>Cộng</b>	<b>645,057,874,549</b>	<b>516,481,607,360</b>
<b>36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>76,971,126,625</b>	<b>71,014,016,104</b>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.</b>	<b>76,971,126,625</b>	<b>71,014,016,104</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9,513,815	9,060,849
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>8,090</b>	<b>7,837</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****3. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An sinh	Công ty liên kết	Bán hàng cho Công ty liên kết	4,290,617,443	274,201,128
Công ty CP Dược phẩm Mekong	Công ty liên kết	Bán hàng cho Công ty liên kết (Phải thu)	12,415,120,760	1,395,134,292
		Mua hàng từ Công ty liên kết (Phải trả)	7,101,483,201	429,346,812

**4. Ảnh hưởng của Thông tư 201 đến các báo cáo tài chính năm hiện hành**

Như đã trình bày ở thuyết minh số IV.16, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo Thông tư 201, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong VAS 10. Ảnh hưởng như sau:



**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

Mẫu số B 09 - DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>Bảng cân đối kế toán</b>	<b>Thông tư 201</b>	<b>VAS 10</b>	<b>Chênh lệch</b>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(159,408,412)	-	(159,408,412)
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>			
Lãi chênh lệch tỷ giá			-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	159,408,412	(159,408,412)
Lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận v ào báo cáo KQKD	-	(159,408,412)	159,408,412

Kế toán trưởng

CN. Lê Thị Thúy Hằng



Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc

DS. Huỳnh Thị Lan

**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	44,065,726,046	78,333,982,799	8,740,847,723	37,489,888,662	<b>168,630,445,230</b>
<i>Mua trong năm</i>	-	13,853,820,251	1,102,653,600	2,723,508,280	<b>17,679,982,131</b>
<i>ĐT XD CB h. thành</i>	383,368,252				<b>383,368,252</b>
<i>Tặng khác</i>					-
<i>Chuyển sang BĐS</i>					-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		509,928,384	1,239,413,180	1,061,085,392	<b>2,810,426,956</b>
<i>Giảm khác</i>			-	-	-
Số dư cuối năm	44,449,094,298	91,677,874,666	8,604,088,143	39,152,311,550	<b>183,883,368,657</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	<b>16,378,168,826</b>	<b>54,041,435,110</b>	<b>5,253,445,290</b>	<b>18,713,298,365</b>	<b>94,386,347,591</b>
<i>Khấu hao trong năm</i>	2,261,536,927	7,865,311,930	829,983,844	3,936,513,212	<b>14,893,345,913</b>
<i>Tặng khác</i>					-
<i>Chuyển sang BĐS</i>					-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		509,928,384	1,239,413,180	1,061,085,392	<b>2,810,426,956</b>
<i>Giảm khác</i>					-
Số dư cuối năm	18,639,705,753	61,396,818,656	4,844,015,954	21,588,726,185	<b>106,469,266,548</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	<b>27,687,557,220</b>	<b>24,292,547,689</b>	<b>3,487,402,433</b>	<b>18,776,590,297</b>	<b>74,244,097,639</b>
Số dư cuối năm	<b>25,809,388,545</b>	<b>30,281,056,010</b>	<b>3,760,072,189</b>	<b>17,563,585,365</b>	<b>77,414,102,109</b>

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 50.623.218.032 đồng.

**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>92,100,000,000</b>	<b>108,706,704,458</b>	<b>(8,160,533,158)</b>	<b>171,071,590</b>	<b>140,030,623,548</b>	<b>10,049,416,533</b>	-	<b>342,897,282,971</b>
- Lợi nhuận năm nay							71,014,016,104	<b>71,014,016,104</b>
- Hoàn nhập CLTG năm trước				(171,071,590)				<b>(171,071,590)</b>
- Đánh giá CLTG cuối kỳ				(120,868,425)				<b>(120,868,425)</b>
- Trích khen thưởng HĐQT 2010							(520,000,000)	<b>(520,000,000)</b>
- Trích các quỹ từ lợi nhuận 2010					29,212,665,884		(29,212,665,884)	-
- Chia cổ tức cho cổ đông							(27,182,547,000)	<b>(27,182,547,000)</b>
- Trích quỹ KT - PL từ lãi 2010							(14,098,803,220)	<b>(14,098,803,220)</b>
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>92,100,000,000</b>	<b>108,706,704,458</b>	<b>(8,160,533,158)</b>	<b>(120,868,425)</b>	<b>169,243,289,432</b>	<b>10,049,416,533</b>	-	<b>371,818,008,840</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>92,100,000,000</b>	<b>108,706,704,458</b>	<b>(8,160,533,158)</b>	<b>(120,868,425)</b>	<b>169,243,289,432</b>	<b>10,049,416,533</b>	-	<b>371,818,008,840</b>
- Lợi nhuận năm nay							76,971,126,625	<b>76,971,126,625</b>
- Tăng vốn	9,059,320,000				(9,059,320,000)			-
- Hoàn nhập CLTG năm trước				120,868,425				<b>120,868,425</b>
- Đánh giá CLTG cuối kỳ				(159,408,412)				<b>(159,408,412)</b>
- Trích khen thưởng HĐQT 2011							(267,000,000)	<b>(267,000,000)</b>
- Trích các quỹ từ lợi nhuận 2011					36,446,348,800		(36,446,348,800)	-
- Chia cổ tức cho cổ đông							(24,916,952,500)	<b>(24,916,952,500)</b>
- Trích quỹ KT - PL từ lãi 2011							(15,340,825,325)	<b>(15,340,825,325)</b>
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>101,159,320,000</b>	<b>108,706,704,458</b>	<b>(8,160,533,158)</b>	<b>(159,408,412)</b>	<b>196,630,318,232</b>	<b>10,049,416,533</b>	-	<b>408,225,817,653</b>